

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2020/DS-ST
Ngày: 16/12/2020
(V/v tranh chấp hợp đồng vay)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư K phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm – Là Thư K Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 15, 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 867/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Ánh V, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số 177-179, đường T, khóm T, phường N, Tp.C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồng Quốc Quang S

Địa chỉ: Số 177-179, đường T, khóm T, phường N, Tp.C, tỉnh C. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/11/2020

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1961 và ông Hồ Quốc C, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: 174 Quang Trung, khóm 3, phường 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của Bà Phạm Thị Thu N có ông Phạm Xuân K, theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2020.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phạm Thị Thu N:* Luật sư Trần Hoàng Phương, Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Phương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

(Ông S, ông K, Luật sư Phương có mặt, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn ông Hồng Quốc Quang S trình bày: Bà Thái Thị Ánh V có cho ông Hồ Quốc C và bà Phạm Thị Thu N vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 24/10/2019 cho vay 600.000.000 đồng.
- Lần thứ hai vào ngày 06/11/2019 cho vay 600.000.000 đồng.
- Lần thứ ba vào ngày 08/11/2019 cho vay số tiền 600.000.000 đồng.
- Lần thứ tư vào ngày 18/11/2019 cho vay 300.000.000 đồng
- Lần thứ năm vào ngày 26/11/2019 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng
- Lần thứ sáu vào ngày 09/12/2019 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng
- Lần thứ bảy vào ngày 08/01/2020 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng
- Lần thứ tám vào ngày 29/4/2020 cho vay số tiền là 250.000.000 đồng
- Lần thứ chín vào ngày 10/8/2020 cho mượn số tiền 375.000.000 đồng

09 lần vay này có biên nhận. Ngoài ra ngày 30.9.2020 bà V có cho mượn thêm số tiền 219.000.000đ không biên nhận.

Trong 08 lần vay lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, đã trả lãi đến khoảng 30/7/2020 thì ngưng đóng lãi nên đến ngày 30/9/2020 có giấy thỏa thuận đối chiếu lại nợ vay số tiền: 4.544.000.000 đồng.

Nay bà V yêu cầu bà Phạm Thị Thu N và ông Hồ Quốc C trả cho bà số tiền nợ vay là: 4.544.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/10/2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình hòa giải bị đơn là bà Phạm Thị Thu N trình bày: Bà thừa nhận bà và ông Hồ Quốc C có vay của bà Thái Thị Ánh V nhiều lần, có biên nhận như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên đối với số tiền nguyên đơn trình bày là khoản vay số tiền 375.000.000 đồng lần vay thứ chín (ngày 10/8/2020) thực chất là tiền lãi bà V nói đi mượn người khác trả thay cho bà nên cho bà mượn không đóng lãi. Đối với khoản tiền 219.000.000đ bà V trình bày cho mượn không biên nhận thực chất đây là tiền lãi nên đã thỏa thuận tính đến ngày 30/9/2020 vì vậy bà đã viết biên nhận đối chiếu nợ số tiền 4.544.000.000 đồng. Đối với các khoản vay 3.950.000.000 đồng bà đã đóng lãi 5%/tháng đến ngày 30/7/2020 thì ngưng cho đến nay. Nay bà V yêu cầu thanh toán số tiền 4.544.000.000đ bà đồng ý. Tuy nhiên hiện tại bà không có khả năng thanh toán nên xin được thanh toán nhiều lần và xin giảm lãi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu N thì chỉ thừa nhận bà N có nợ bà V 07 lần vay tiền cụ thể .

- Ngày 06/11/2019 cho vay 600.000.000 đồng.
- Ngày 08/11/2019 cho vay số tiền 600.000.000 đồng.
- Ngày 18/11/2019 cho vay 300.000.000 đồng
- Ngày 26/11/2019 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng
- Ngày 09/12/2019 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng
- Ngày 08/01/2020 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng
- Ngày 29/4/2020 cho vay số tiền là 250.000.000 đồng

Đối với khoản tiền như: Ngày 24/10/2019 cho vay 600.000.000 đồng; Ngày 10/8/2020 cho mượn số tiền 375.000.000 đồng đại diện cho bà N xác định biên nhận thể hiện của dì Bảy không phải của bà V nên không đồng ý thanh toán. Riêng khoản tiền 219.000.000đ không có biên nhận nhưng thể hiện tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30.9.2020 là tiền lãi vay nên không thống nhất trả theo yêu cầu của bà V.

Ngoài ra đại diện cho bà N còn cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà N không liên quan đến ông Hồ Quốc C nên không đồng ý ông C cùng có trách nhiệm trả nợ chung.

Đối với bị đơn là ông Hồ Quốc C trước đây có ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng. Tại biên bản hòa giải ngày 06/11/2020 bà N trình bày thừa nhận toàn bộ nợ 4.544.000.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn và thống nhất ông C cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ và hợp công khai chứng cứ, hòa giải ông Hồ Quốc C có ủy quyền cho bà Phạm Thị Thu N tham gia công khai và hòa giải đúng qui định pháp luật. Đến khi xét xử Tòa án cũng đã triệu tập xét xử hai lần nhưng vắng mặt người đại diện cho ông C và bản thân ông C cũng không có mặt tại phiên xét xử. Đối với bà N hiện đã ủy quyền lại cho ông Phạm Xuân K tham gia tố tụng đối với quyền và nghĩa vụ của bà còn đối với tư cách đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Quốc C bà N hiện không có quyền ủy quyền lại và bản thân bà khi làm thủ tục ủy quyền cũng không ủy quyền phần này nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tư cách ủy quyền của bà N. Riêng ông Hồ Quốc C Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Hồng Quốc Quang S là con của bà Thái Thị Ánh V các đương sự xác định không liên quan đến giao dịch hợp đồng vay nhưng do trước đây không hiểu rõ nên khi lập bản đối chiếu công nợ bà V ghi thêm tên anh S vào với mục đích cho anh S chứng kiến và anh S có quyền cùng bà yêu cầu thanh toán nợ nhưng nay bà V và anh S đều xác định đây là tài sản riêng của bà V không liên quan đến anh S nên đề nghị Tòa không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng qui định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật, do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay của các bên là có diễn ra trong thực tế. Hiện nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền đã vay vào các ngày như: Ngày 06/11/2019 cho vay 600.000.000 đồng; Ngày 08/11/2019 cho vay số tiền 600.000.000 đồng; Ngày 18/11/2019 cho vay 300.000.000 đồng; Ngày 26/11/2019 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng; Ngày 09/12/2019 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng; Ngày 08/01/2020 cho vay số tiền là 300.000.000 đồng; Ngày 29/4/2020 cho vay số tiền là 250.000.000 đồng. Tổng

cộng các khoản tiền đã thống nhất là 3.350.000.000đ. Đối với các khoản tiền còn lại các bên không thống nhất còn tranh chấp cụ thể sau:

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu N không thừa nhận khoản vay ngày 24/10/2019 số tiền 600.000.000 đồng và khoản vay không lãi vào ngày 10/8/2020 số tiền 375.000.000 đồng với lý do đại diện bị đơn cho rằng đây là khoản tiền vay của dì Bảy nên chỉ đồng ý trả tiền đúng người đã cho vay và cho rằng bà V không có quyền khởi kiện đối với khoản tiền này nên đề nghị tách ra. Xét lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà N là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bản thân bà N qua các lần Tòa án hòa giải và đối chiếu nợ cũng như Tòa án công khai chứng cứ bà N đều thừa nhận bà có vay tiền bà V và các biên nhận nợ trên đều là số tiền do bà đã trực tiếp vay tiền của bà V, hoàn toàn không có việc vay tiền từ dì Bảy nào khác như đại diện bà N trình bày và tại phiên tòa đại diện bà N cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh được bà Bảy là ai, nhà ở đâu. Trong khi đó, đại diện nguyên đơn xác định bà V là người con thứ 7 trong gia đình và giữa bà V, bà N có mối quan hệ dì cháu nên theo phong tục và tập tục quán tại địa phương bà N có cách gọi và cách xưng hô theo thứ tự của gia đình nên đã gọi bà V là dì Bảy, lời trình bày này của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ cũng như chứng cứ thừa nhận nợ của bà N tại phiên hòa giải, phù hợp với các chứng từ vay tiền của bà N thể hiện tại sổ ghi nợ của bà V đang quản lý nên việc đại diện cho bà N và luật sư đặc ra yêu cầu tách hai khoản tiền này là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên đối với hai khoản tiền bị đơn đã vay không lãi vào ngày 10/8/2020 là 375.000.000 đồng và ngày 30.9.2020 số tiền 219.000.000đ không phải tiền vốn vay mà đây là các khoản tiền lãi do bà N, ông C không có khả năng thanh toán lãi nên các đương sự thỏa thuận tính dồn vào vốn gốc. Bởi lẽ C nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận quá trình vay nợ bà N đã thanh toán lãi đầy đủ đến ngày 30/7/2020 thì ngừng thanh toán lãi. Do đó đối với số tiền 375.000.000 đồng đã vay không lãi vào ngày 10/8/2020 do bà N viết biên nhận là tiền nợ lãi của bà N đúng như trình bày của bị đơn và trình bày của nguyên đơn xác định vay từ tiền người khác cho bị đơn thanh toán lãi. Đối với số tiền 219.000.000đ bà N đã vay không lãi của bà V vào ngày 30.9.2020 thì tại bảng kê chi tiết nợ tháng 9 bà V đã xác định cụ thể các khoản lãi của bị đơn đang thiếu tính thành vốn vay và hoàn toàn phù hợp với bảng đối chiếu nợ. Do đó đối với hai khoản tiền này sẽ được xem xét tính vào khoản tiền lãi theo qui định pháp luật bị đơn phải chịu.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ hiện luật sư và đại diện của bà N cho rằng đây là nợ riêng của bà N không liên quan đến ông C nên không đồng ý việc nguyên đơn kiện yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ khi nguyên đơn khởi kiện cho đến nay bản thân ông C hoàn toàn không có văn bản nào xác định đây là nợ riêng của bà N và quá trình Tòa án hòa giải C bà N vừa là bị đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của ông C cũng thống nhất việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trách nhiệm thanh toán nợ chung của bà N và ông C. Do đó hiện tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà N và luật sư bà N trình bày không thống nhất ông C cùng có nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân.

[5] Về lãi suất: Các đương sự đều thừa nhận quá trình vay có thỏa thuận về lãi, hiện nguyên đơn và bị đơn xác định lãi là 5%/tháng. Đối với đại diện nguyên đơn và luật sư cho rằng lãi có rất nhiều khoản từ 5%, 6% và 9% tuy nhiên hiện đại diện bị đơn và luật sư chỉ chứng minh được việc thanh toán lãi từ 5 – 6% cụ thể theo bảng kê chi tiết nợ tháng 9/2020 do C bà V đã xác lập việc nợ tháng 9/2020 có cụ thể mức lãi của từng khoản tiền vay, nhưng không nêu rõ cụ thể ngày ngày tháng của giao dịch vay, không chứng minh được thực tế thanh toán lãi như thế nào, hiện các đương sự chỉ xác định đã thanh toán lãi đến ngày 30/7/2020 thì ngưng nhưng thời gian thanh toán lãi các lần thanh toán lãi các đương sự không nhớ cụ thể. Tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự quy định “...lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Do đó về lãi suất các đương sự giao dịch được chấp nhận không được vượt quá 1,66%/tháng nên yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là cao so với quy định nên cần điều chỉnh lại cụ thể như sau:

- *Số tiền vay vào ngày 24/10/2019* cho vay 600.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 09 tháng 06 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $600.000.000đ \times 1,66\% \times 09 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 91.632.000đ$

+ Lãi đã trả là $600.000.000đ \times 5\% \times 09 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 276.000.000đ$

- *Số tiền vay ngày 06/11/2019* là 600.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 08 tháng 24 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $600.000.000đ \times 1,66\% \times 08 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 87.648.000đ$

+ Lãi đã trả là $600.000.000đ \times 5\% \times 08 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 264.000.000đ$

- *Số tiền vay vào ngày 08/11/2019* cho vay 600.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 08 tháng 22 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $600.000.000đ \times 1,66\% \times 08 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 86.984.000đ$

+ Lãi đã trả là $600.000.000đ \times 06\% \times 08 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 314.400.000đ$

- *Số tiền vay vào ngày 18/11/2019* là 300.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 08 tháng 12 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $300.000.000đ \times 1,66\% \times 08 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 41.832.000đ$

+ Lãi đã trả là $300.000.000đ \times 05\% \times 08 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 126.000.000đ$

- *Số tiền vay vào ngày 26/11/2019* là 1.000.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 08 tháng 04 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $1.000.000.000đ \times 1,66\% \times 08 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 135.013.000đ$

+ Lãi đã trả là $1.000.000.000đ \times 06\% \times 08 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 488.000.000đ$

- *Số tiền vay vào ngày 09/12/2019* cho vay 300.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 07 tháng 21 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $300.000.000đ \times 1,66\% \times 07 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 38.346.000đ$

+ Lãi đã trả là $300.000.000đ \times 05\% \times 07 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 115.500.000đ$

- Số tiền vay vào ngày 08/01/2020 cho vay 300.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 06 tháng 22 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $300.000.000đ \times 1,66\% \times 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 33.532.000đ$

+ Lãi đã trả là $300.000.000đ \times 06\% \times 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 121.200.000đ$

- Số tiền vay vào ngày 29/4/2020 cho vay 250.000.000 đồng trả lãi đến ngày 30/7/2020 đã trả lãi là: 03 tháng 01 ngày

+ Lãi được chấp nhận là $250.000.000đ \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 12.588.000đ$

+ Lãi đã trả là $250.000.000đ \times 06\% \times 03 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 45.500.000đ$

Như vậy tổng số tiền lãi tính đến ngày 30/7/2020:

- Lãi bị đơn đã trả là 1.750.600.000đ được đối trừ 375.000.000đ các bên đương sự đã chuyển vào tiền vay không lãi còn lại đã thanh toán lãi là 1.375.600.000đ

- Số tiền lãi được chấp nhận là 526.775.000đ

- Đối trừ vào vốn vay được chấp nhận của 08 lần vay là 3.950.000.000đ trừ vào lãi thừa là 848.285.000đ còn lại tiền vốn là 3.101.715.000đ

Từ ngày 30/7/2020 đến ngày xét xử 16/12/2020 là 04 tháng 14 ngày:

- Lãi được chấp nhận là $3.101.715.000đ \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 229.981.828đ$.

Tính vào vốn gốc số tiền được chấp nhận là: 3.331.696.828đ

Không chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị Ánh V về việc yêu cầu ông Hồ Quốc C, bà Phạm Thị Thu N thanh toán số tiền: 1.212.303.172đ.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Do ông Hồ Quốc C và bà Thái Thị Ánh V là người cao tuổi còn bà Phạm Thị Thu N là con liệt sĩ các đương sự đều có đơn xin miễn, nên được xét miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ánh V.

Buộc bà Phạm Thị Thu N và ông Hồ Quốc C thanh toán cho bà Thái Thị Ánh V số tiền nợ vay là 3.331.696.828đ (Ba tỷ ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm

chín mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Trong đó vốn là 3.101.715.000đ, lãi là 229.981.828đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị Ánh V đối với số tiền còn lại là 1.212.303.172đ.

Kể từ ngày bà Thái Thị Ánh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Thu N và ông Hồ Quốc C không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Thái Thị Ánh V, ông Hồ Quốc C và bà Phạm Thị Thu N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn và bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc

